

Bản án số: 187/2026/HS-PT

Ngày: 16/4/2026

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Mạnh Cẩm Yến.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Ngọc Huân

Ông Vũ Quang Huy

***- Thư ký phiên tòa:***

Bà Nguyễn Ngọc Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*

Bà Trần Thị Bảy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 105/2026/TLPT-HS ngày 06 tháng 03 năm 2026 đối với bị cáo Lê Phương Q do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 50/2026/HSST ngày 28/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 113/QĐXXPT- HS ngày 15 tháng 03 năm 2026 đối với bị cáo có kháng cáo:

**Lê Phương Q**, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2002; Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số nhà A, ngách E, thôn G, xã Q, thành phố Hà Nội. Căn cước công dân số: 001302028343; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà: Lê Thị Ú, sinh năm 1984; Có chồng là: Đinh Văn S, sinh năm 1998 (Đã ly hôn năm 2022), có 01 con sinh năm 2020;

Tiền án, tiền sự: Không. Tạm giữ, tạm giam: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

*Có mặt tại phiên tòa.*

*- Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Nguyễn Văn H và luật sư Bạch Tuyết H1 - Văn phòng Luật sư Nguyễn An N - Đoàn luật sư thành phố H.

*Có mặt tại phiên tòa.*

*- Bị hại không kháng cáo và không được Tòa án triệu tập:* Bà Hà Thị T.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không được Tòa án triệu tập:* Chị Nguyễn Quỳnh N1; Bà Lê Thị Ú, sinh ngày 29/03/1984;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo cáo trạng và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Lê Phương Q, sinh năm 2002, trú tại thôn G, xã Q, thành phố Hà Nội và chị Nguyễn Quỳnh N1, sinh năm 2006, trú tại thôn P, xã K, thành phố Hà Nội là chị em cùng mẹ khác cha. Do chị N1 mới sinh con nên ngày 08/06/2025, Q đến nhà bà Hà Thị T, sinh năm 1988, trú tại thôn P, xã K, thành phố Hà Nội (Là mẹ chồng của chị N1) để chăm sóc chị N1. Trong quá trình ở nhà bà T, Q phát hiện trong phòng ngủ của bà T có 01 két sắt và nhận thấy bà T thường hay để chìa khóa két sắt trên bàn trong phòng ngủ nên Q đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong két sắt của bà T. Từ ngày 13/06/2025 đến ngày 27/06/2025, Q đã nhiều lần trộm cắp tài sản trong két sắt tại phòng ngủ của bà T. Cụ thể như sau:

*Lần thứ nhất:* Khoảng 10 giờ ngày 13/06/2025, Q thấy bà T và chị N1 đang nằm ngủ trong phòng ngủ của chị N1, bên ngoài không có ai, Q đi vào phòng ngủ của bà T lấy chìa khóa két sắt để trên bàn mở két sắt. Do không biết mật khẩu, Q đã tháo pin bằng điều khiển điện tử két, Q lấy chìa khóa phụ và chìa khóa chính mở két sắt lấy trộm 01 nhẫn vàng trơn, loại vàng 9999 có trọng lượng 01 chỉ dấu vào túi quần. Sau đó, Q mang vàng đến cửa hàng vàng bạc Thế Quế của anh Đỗ Xuân Đ, sinh năm 1993, trú tại khu chợ N2, xã N, thành phố Hà Nội bán được 10.700.000 đồng.

*Lần thứ hai:* Sáng ngày 18/06/2025, lợi dụng sơ hở của bà T mở két sắt, Q lấy trộm 03 nhẫn vàng trơn, loại vàng 9999, tổng trọng lượng là 04 chỉ; 01 dây chuyền vàng, loại nhỏ, trơn, loại vàng 9999, có trọng lượng 02 chỉ, cất giấu số vàng vào trong người. Cùng ngày, Q mang toàn bộ số vàng trên đến cửa hàng vàng bạc Thiên Văn của ông Phan Thiên V, sinh năm 1976, trú tại số A, tổ A, phường X, tỉnh Phú Thọ bán cho ông V được 64.200.000 đồng.

*Lần thứ ba:* Sáng ngày 25/06/2025, Q mở két sắt của bà T lấy trộm 02 kiềng vàng tròn, rỗng bên trong, loại vàng 9999, trọng lượng 03 chỉ rồi mang đến cửa hàng vàng bạc Thiên V bán cho ông Phan Thiên V được 31.800.000 đồng.

*Lần thứ tư:* Sáng ngày 27/06/2025, Q mở két sắt của bà T, mở lộn đất đặt bên trong két lấy trộm số tiền 3.000.000 đồng.

Sau khi trộm cắp được tài sản của bà T nhiều lần, Q cho người nam giới tên T1 (Không rõ nhân, lai lịch) quen qua mạng xã hội Tiktok vay 28.000.000 đồng tiền mặt, cho bà Lê Thị Ú, sinh năm 1984, trú tại thôn G, xã Q, thành phố Hà Nội (Là mẹ của Q) số tiền 10.000.000 đồng; cho chị N1 số tiền là 6.000.000 đồng, số tiền còn lại Q đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 1664/KL-HĐ ngày 22/09/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Hà Nội kết luận:

- 01 nhẫn tròn trơn, loại vàng 9999, trọng lượng 01 chỉ tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 13/06/2025 có trị giá là 10.896.250 đồng.

- 03 nhẫn tròn trơn, loại vàng 9999, trọng lượng 04 chỉ và 01 dây chuyền vàng, loại nhỏ, trơn, loại vàng 9999, trọng lượng 02 chỉ tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 18/06/2025 có trị giá là 66.075.000 đồng.

- 02 kiềng vàng tròn, rỗng bên trong, loại vàng 9999, tổng trọng lượng 03 chỉ tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 25/6/2025 là 32.790.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản là 109.761.250 đồng và 3.000.000 đồng tiền mặt.

**Về trách nhiệm dân sự:** Bà Hà Thị T yêu cầu Lê Phương Q phải bồi thường tổng số tiền 112.761.250 đồng. Lê Phương Q đồng ý với yêu cầu bồi thường này của bà T, nhưng Q chưa bồi thường cho bà T.

Đối với hành vi của anh Đỗ Xuân Đ và ông Phan Thiên V: Quá trình điều tra xác định, khi mua tài sản của Q thì anh Đ và ông V không biết đó là tài sản do Q trộm cắp có mà có nên không có căn cứ xử lý.

Đối với số tiền 28.000.000 đồng mà Lê Phương Q cho một người nam giới tên T1 (Quen biết qua mạng xã hội TikTok) vay: Quá trình điều tra xác định, Q không biết rõ tên tuổi, địa chỉ của người này, người tên T1 sử dụng tài khoản TikTok tên “Bố yêu hai con”. Sau khi vay tiền của Q, người nam giới tên T1 đã chặn liên lạc trên TikTok. Do không xác định được nhân thân, lai lịch người vay tiền nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H không có căn cứ để điều tra làm rõ.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng Q cho bà Lê Thị Ú và số tiền 6.000.000 đồng Q cho chị Nguyễn Quỳnh N1: Bà Ú và chị N1 không biết là tiền do trộm cắp mà có, do vậy không có căn cứ xử lý.

Quá trình điều tra, Lê Phương Q đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Tại cáo trạng số 153/VKS-HS ngày 12 tháng 12 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội đã truy tố bị cáo Lê Phương Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 50/2026/HSST ngày 28/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội đã xử phạt bị cáo Lê Phương Q 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 BLHS.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lê Phương Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa sau khi phân tích nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng cáo sửa 1 phần bản án áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điểm b, s, n, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: **Lê Phương Q từ 30-36** tháng tù.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Phương Q đề nghị HĐXX Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Gia đình bị cáo bồi thường toàn bộ vụ án. Gia đình bị cáo

có hoàn cảnh khó khăn. Bị cáo nhận thức kém. Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, hiện bị cáo có thai với chồng cũ, sau khi ly hôn bị cáo mới biết.

- Bị cáo Lê Phương Q khai nhận toàn bộ hành vi đúng như cáo trạng và bản án sơ thẩm đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin được hưởng án treo vì bị cáo con còn nhỏ, hiện đang mang thai con thứ hai, bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội nên đã bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

#### **[1]. Về hình thức:**

Đơn kháng cáo của bị cáo nộp trong thời hạn luật định và kháng cáo của bị cáo là hợp lệ về hình thức nên được xem xét và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

#### **[2]. Về nội dung:**

Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Căn cứ lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa và căn cứ vào lời khai của bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án HĐXX đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo như sau:

Từ ngày 13/06/2025 đến ngày 27/06/2025 Lê Phương Q đã 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Hà Thị T có địa chỉ tại thôn P, xã K, thành phố Hà Nội, với tổng giá trị tài sản Q chiếm đoạt là 112.761.250 đồng.

Hành vi của bị cáo Q là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu tới trật tự công cộng. Hành vi của bị cáo Lê Phương Q đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội xét xử là đúng hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Phương Q, HĐXX thấy:

Về nhân thân: Bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án tiền sự.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 BLHS;

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền để bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại; Bị cáo hiện đang mang thai hơn 04 tháng do đó HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s,n, khoản 1, Điều 51 BLHS để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Xét thấy bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bản thân bị cáo hiện có 01 con nhỏ và

đang mang thai con thứ hai nên có thể xem xét cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội để bị cáo có cơ hội tự giáo dục, cải tạo và chăm sóc cho các con.

Từ những phân tích trên HĐXX phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo và sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo và sửa về phần trách nhiệm dân sự trong vụ án do bị cáo đã tự nguyện nộp toàn bộ tiền bồi thường cho bị hại tại cơ quan thi hành án.

Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Phương Q. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 50/2026/HSST ngày 28/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội như sau:

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Lê Phương Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

**2. Áp dụng pháp luật và hình phạt:**

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điểm b, s, n, khoản 1, Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: **Lê Phương Q 36 (ba mươi sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Phương Q cho Ủy ban nhân dân xã Q, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.*

**3. Về trách nhiệm dân sự:**

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Truy thu của bà Lê Thị Ú số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để trả lại bà Hà Thị T.

- Truy thu của chị Nguyễn Quỳnh N1 số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).  
để trả lại bà Hà Thị T.

- Buộc Lê Phương Q phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà Hà Thị T số tiền là 96.761.000 đồng (Chín mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Ghi nhận bà Lê Thị Ú đã nộp số tiền 10.000.000 đồng tại Thi hành án dân sự Thành phố H theo biên lai số 0004878 ngày 14/4/2026; chị Nguyễn Quỳnh N1 đã nộp số tiền 6.000.000 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội theo biên lai số 0004911 ngày 15/4/2026; bị cáo Lê Phương Q đã nộp số tiền 96.761.000 đồng tại Thi hành án dân sự Thành phố H theo biên lai số 0004877 ngày 14/4/2026; Bà Hà Thị T được nhận lại toàn bộ số tiền trên tại Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

**4.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**5.** Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Lê Phương Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 7 – Hà Nội;
- TAND Khu vực 7 – Hà Nội;
- VKSND Khu vực 7 – Hà Nội;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đặng Mạnh Cẩm Yên**